|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN BA ĐÌNH  **TRƯỜNG THCSPHAN CHU TRINH**  Số ……/QĐ-THCSPCT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Ba Đình, ngày 1 tháng 6 năm 2019* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành Quy chế công khai của trường THCS Phan Chu Trinh**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS PHAN CHU TRINH**

          - Căn cứ Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày - Căn cứ vào Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;02 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

* Căn cứ theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của nhà trường

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế công khai năm học 2018-2019 của trường **THCS Phan Chu Trinh**

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Cán bộ nhà trường, Tổ trưởng các Tổ và người đứng đầu các tổ chức Hội, Đoàn thể trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**HIỆU TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

Như điều 3

Lưu VP  **Nguyễn Mai Hương**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN BA ĐÌNH  **TRƯỜNG THCSPHAN CHU TRINH**  Số ……/QC-THCSPCT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Ba Đình, ngày 1 tháng 6 năm 2019* |

**QUY CHẾ CÔNG KHAI TRƯỜNG THCS PHAN CHU TRINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ……../QĐ-PCT*  *ngày 1 tháng 6 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường THCS Phan Chu Trinh)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

Quy chế này quy định về thực hiện công khai đối với trường THCS Phan Chu Trinhđược thực hiện liên tục trong các năm.

**Điều 2. Mục tiêu thực hiện công khai**

1. Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội, tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai**1

. Việc thực hiện công khai của nhà trường phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định theo Quy chế công khai của Bộ Giáo Dục ban hành ngày 07/05/2009.

2. Thông tin được công khai tại nhà trường và trên webside của nhà trường, các thông tin phải chính xác, kịp thời.

**Chương II -THỰC HIỆN CÔNG KHAI**

**Điều 4. Nội dung công khai**

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, phải tuân thủ theo yêu cầu phối hợp giữa Phòng Giáo dục, nhà trường và gia đình. Thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh tại nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh .

b) Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào THPT, có phân biệt theo các khối lớp .

c) Mức chất lượng tối thiểu cần đạt được:

- Tỉ lệ đỗ tốt nghiệp >= 95 %.

- Tỉ lệ học sinh bỏ học <= 1%.-

 Tỉ lệ học sinh lưu ban sau khi thi lại <= 5 %.

d) Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục trong nhà trường:

a) Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp.

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên công khai về tổng số, hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo, số lượng, chức danh .Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

a) Tình hình tài chính của nhà trường: Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

b) Học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập, mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 91/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

**Điều 5. Hình thức và thời điểm công khai**

1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 4 của Quy chế này:

a) Công khai trên trang webside của nhà trường vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

b) Niêm yết công khai tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Bất cứ lúc nào khi nhà trường hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 của Quy chế này, cơ sở giáo dục thực hiện công khai như sau:

a) Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi nhà trường thực hiện tuyển sinh.

b) Đối với học sinh đang học tại nhà trường: phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

**Chương IIITỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều6.** **Trách nhiệm của Hiệu trưởng nhà trường**

 1. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho Phòng Giáo dục.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của Phòng Giáo dục, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a) Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên của trường.

b) Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường, đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

 c) Đưa lên trang webside của nhà trường.

**HIỆU** **TRƯỞNG**

**Nguyễn Mai Hương**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN BA ĐÌNH  **TRƯỜNG THCS PHAN CHU TRINH**  Số ………. /QĐ-THCSPCT  *V/v: thành lập ban chỉ đạo* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Ba Đình, ngày1 tháng 06 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v thành lập ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai của trường THCS Phan Chu Trinh**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS PHAN CHU TRINH**

          - Căn cứ Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ vào Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

         - Căn cứ theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của nhà trường

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập ban chỉ đạo thực hiện Quy chế công khai năm học 2018-2019 của trường THCS Phan Chu Trinh (Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Các Ông, Bà có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**HIỆU TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

Như điều 2

Lưu VP  **Nguyễn Mai Hương**

**DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN**

**QUY CHẾ CÔNG KHAI**

**Năm học 2019 - 2020**

*(Kèm theo Quyết định số …./QĐ-THCSPCT, ngày1 tháng 6 năm 2019)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Nhiệm vụ được phân công** |
| 01 | Nguyễn Mai Hương | Hiệu trưởng | Trưởng ban chỉ đạo . |
| 02 | Nguyễn Ngọc Huyền | Phó Hiệu trưởng | Phó ban chỉ đạo |
| 03 | Nguyễn Thị Thanh Vân | CTCĐ | Thành viên |
| 04 | Nguyễn Mai Tuyết | Phó Chủ tịch Công đoàn, Thư ký hội đống | Thành viên |
| 05 | Nghiêm Hồng Nhung | Tổng phụ trách | Thành viên |
| 06 | Đỗ Thu Hương | Tổ trưởng tổ Văn –Sử -GDCD | Thành Viên |
| 07 | Hoàng Thị Thanh Mai | Tổ trưởng tổ Toán - CN-Tin | Thành viên |
| 08 | Đỗ Thị Hồng Hạnh | Tổ trưởng Ngoại Ngữ -Lý | Thành viên |
| 09 | Nguyễn Minh Thúy | Tổ trưởng tổ Văn –Thể Mỹ | Thành viên |
| 10 | Trần Thanh Việt | Tổ trưởng tổ Hóa –Sinh Địa | Thành viên |
| 11 | Nguyễn Quỳnh Trang | Bí thư Chi đoàn | Thành viên |
| 12 | Tô Thị Thanh Thủy | Tổ trưởng Văn phòng | Thành viên |
| 13 | Nguyễn Minh Hằng | Kế toán | Thành viên |
| 14 | Đỗ Thùy Trang | Trưởng ban thanh tra | Thành viên |

Tổng kết danh sách Ban Chỉ đạo gồm có 14 CB-GV-NV là thành viên của ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai năm học 2019 - 2020

|  |  |
| --- | --- |
| QUẬN BA ĐÌNH  **TRƯỜNG THCS PHAN CHU TRINH**  Số:…………/KH-THCSPCT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Ba Đình, ngày 1 tháng 6 năm 2018* |

**KẾ HOẠCH**

**THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2017-2018**

 - Căn cứ vào Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

* Căn cứ thực tế Nhà trường

          Trường Trung học cơ sở Phan Chu Trinh xây dựng kế hoạch thực hiện Quy chế công khai cho năm học 2018-2019 như sau:

**I - Mục đích yêu cầu:**

**1. Mục đích:**

    Thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

**2. Yêu cầu:**

Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm theo quy định của quy chế công khai.

**II - Thành lập ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai:**

- Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai gồm các ông bà sau:

1. Bà Nguyễn Mai Hương                 –   Hiệu trưởng       –    Trưởng ban

2. Bà Nguyễn Ngọc Huyền              –   Phó hiệu trưởng  –    Phó ban

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Vân            –  CTCĐ                     –   Thành viên

4. Bà Nghiêm Hồng Nhung                –   TPT                        –   Thành  viên

5. Bà Nguyễn Minh Hằng        –   Kế toán                  –   Thành  viên

6. Bà Nguyễn Quỳnh Trang - Bí Thư Chi đoàn - Thành viên

6. Bà Nguyễn Mai Tuyết - Thư ký hội đông -Thành viên

7. Bà Đỗ Thùy Trang - Trưởng ban TTND - Thành viên

7. Cùng 5 tổ trưởng chuyên môn và văn phòng                   - Thành viên

- Ban chỉ đạo căn cứ vào Quy chế công khai ban hành theo Thông tư 09/2009/TT-BGD ĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo để lập kế hoạch và tổ chức thực hiện theo đúng các quy định trong quy chế.

**- Trách nhiệm:**

+ Trưởng ban chỉ đạo phụ trách chung;

+ Phó Hiệu trưởng và Đ/c TPT:  chịu trách nhiệm về nội dung 1: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế;

+ Tổ trưởng chuyên môn và văn phòng: chịu trách nhiệm nội dung 2: Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục. Chuẩn bị các nội dung công khai liên quan báo cáo hiệu trưởng.

+ Kế toán chịu trách nhiệm nội dung 3: Công khai thu chi tài chính. Chuẩn bị các nội dung công khai có liên quan báo cáo cho Hiệu trưởng.

**III - Kế hoạch thực hiện các nội dung công khai:**

***1) Tổ chức công khai theo qui định:***

**a.Các biểu mẫu:**Biểu mẫu 05, 9, 10, 11 theothông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; Các biểu mẫu số 2,3,4Thông tư 21/2005/TT-BTC ngày 23/3/2005 hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Mẫu số 1 - Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

**b. Hình thức và thời điểm công khai:**

**\* Hình thức:**

+ Công khai trên Website của trường: [www.c2phanchutrinh.edu.vn](http://www.c2phanchutrinh.edu.vn) .

+ Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết thông báo và Nội dung kế hoạch được gửi qua mail tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường .

+ Công khai trên phạm vi toàn thể phụ huynh, học sinh, nhân dân qua các cuộc họp CMHS.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng chuyển biến tốt, tạo dần thương hiệu của trường về chất lượng.

**\* Thời điểm công khai:**

+ Vào tất cả các thời gian trong năm đặc biệt là đầu năm học, cuối học kỳ I,kết thúc năm học và thời gian tuyển sinh. Cụ thể năm học 2018-2019 như sau:

# Tại Hội nghị tổng kết năm học 2017-2018

# Tại cuộc họp Liên tịch về công tác tuyển sinh năm học 2018-2019

# Tại buổi họp Hội đồng đầu năm học và khi có các thay đổi nội dung liên quan đến vấn đề công khai.

# Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ ngày 20/9/2018.

# Riêng dự toán thu chi tài chính 2019 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2019 của UBND Quận.

***2) Thực hiện các nội dung công khai:***

**a. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế :**

+ Cam kết chất lượng giáo dục: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

+ Chất lượng giáo dục thực tế: Công khai số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm ; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh đỗ vào các trường THPT.

**b.Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục :**

**+ Cơ sở vật chất:** Nhà trường công khai về Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng; sân, nhà đa năng… số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp

**+ Đội ngũ** nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên: Số lượng, chức danh và trình độ đào tạo. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo bồi dưỡng trong năm học và hai năm tiếp theo.

**c.Công khai thu chi tài chính:**

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công khai Ngân sách đối với đơn vị dự toán, tổ chức ngân sách được Nhà nước hỗ trợ. Trường THCS Phan Chu Trinh công khai tài chính gồm:

+ Thông báo công khai dự toán thu chi năm 2019

+ Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn NSNN năm 2018

+ Thông báo công khai quyết toán thu chi khoản đóng góp của tổ chức cá nhân năm 2018.

+ Công khai kết quả thực hiện chính sách trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

+ Công khai mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học

+ Công khai các khoản chi theo từng năm học: mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng; sửa chữa, mua sắm trang thiết bị

+ Công khai kê khai tài sản đối với diện phải công khai theo quy định.

**3. Việc lưu trữ hồ sơ, biểu mẫu**: Hồ sơ được lưu trữ tại văn phòng theo đúng quy định.

**IV - Tổ chức thực hiện:**

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định theo quy chế và kế hoạch đề ra. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm 2017-2018 và kế hoạch triển khai của năm học 2018-2019

- Phó Hiệu trưởng và Đ/c TPT:  chịu trách nhiệm về nội dung 1: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế;

- Tổ trưởng chuyên môn và văn phòng: chịu trách nhiệm nội dung 2: Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục. Chuẩn bị các nội dung công khai liên quan báo cáo hiệu trưởng.

- Kế toán chịu trách nhiệm nội dung 3: Công khai thu chi tài chính. Chuẩn bị các nội dung công khai có liên quan báo cáo cho Hiệu trưởng.

Yêu cầu các bộ phận trong Ban chỉ đạo và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc, báo cáo kịp thời, đúng quy định theo kế hoạch đề ra.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Mai Hương**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN BA ĐÌNH  **TRƯỜNG THCS PHAN CHU TRINH**  Số ………. /QĐ-THCSPCT  *V/v: thành lập ban chỉ đạo* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Ba Đình, ngày1 tháng 06 năm 2018* |

**THÔNG BÁO**

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông**

**Năm học: 2019-2020**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Chia theo khối lớp** | | | |
| **Lớp 6** | **Lớp 7** | **Lớp 8** | **Lớp 9** |
| **I** | **Điều kiện tuyển sinh** | Hoàn thành chương trình tiểu học | Hoàn thành chương trình lớp 6 | Hoàn thành chương trình lớp 7 | Hoàn thành chương trình lớp 8 |
| **II** | **Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ** | Chương trình giáo dục bậc  THCS do  Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành | Chương trình giáo dục bậc  THCS do  Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành | Chương trình giáo dục bậc  THCS do  Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành | Chương trình giáo dục bậc  THCS do  Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành |
| **III** | **Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.**      **Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh** | -Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với CMHS    - Học tập nghiêm túc, tích cực | -Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với CMHS    - Học tập nghiêm túc, tích cực | -Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với CMHS    - Học tập nghiêm túc, tích cực | -Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với CMHS    - Học tập nghiêm túc, tích cực |
| **IV** | **Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)** | Có đủ phòng học, phòng thư viện, thiết bị, tin học đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. | Có đủ phòng học, phòng thư viện, thiết bị, tin học đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. | Có đủ phòng học, phòng thư viện, thiết bị, tin học đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. | Có đủ phòng học, phòng thư viện, thiết bị, tin học đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh. |
| **V** | **Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục** | Tổ chức hoạt động NGLL, sinh hoạt Đoàn, Đội và  các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao…  NGLL thống nhất vào ngày 20 hàng tháng | Tổ chức hoạt động NGLL, sinh hoạt Đoàn, Đội và  các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao…  NGLL thống nhất vào ngày 20 hàng tháng | Tổ chức hoạt động NGLL, sinh hoạt Đoàn, Đội và  các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao…  NGLL thống nhất vào ngày 20 hàng tháng | Tổ chức hoạt động NGLL, sinh hoạt Đoàn, Đội và  các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao…  NGLL thống nhất vào ngày 20 hàng tháng |
| **VI** | **Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục** | -Đạt chuẩn  -Nhiệt tình, tích cực, năng nổ, nhạy bén, sáng tạo trong các hoạt động giáo dục | -Đạt chuẩn  -Nhiệt tình, tích cực, năng nổ, nhạy bén, sáng tạo trong các hoạt động giáo dục | -Đạt chuẩn  -Nhiệt tình, tích cực, năng nổ, nhạy bén, sáng tạo trong các hoạt động giáo dục | -Đạt chuẩn  -Nhiệt tình, tích cực, năng nổ, nhạy bén, sáng tạo trong các hoạt động giáo dục |
| **VII** | **Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được** | **-**Hạnh kiểm khá tốt từ 90% trở lên.  **-**Học lực từ TB trở lên 85% trở lên.  - Sức khỏe: tốt | **-**Hạnh kiểm khá tốt từ 90% trở lên.  **-**Học lực từ TB tở lên 85% trở lên.  - Sức khỏe: tốt | **-**Hạnh kiểm khá tốt từ 90% trở lên.  **-**Học lực từ TB tở lên 85% trở lên.  - Sức khỏe: tốt | **-**Hạnh kiểm khá tốt từ 90% trở lên.  **-**Học lực từ TB tở lên 90% trở lên.  - Sức khỏe: tốt |
| **VIII** | **Khả năng học tập tiếp tục của học sinh** | Tiếp tục học lên lớp 7 | Tiếp tục học lên lớp 8 | Tiếp tục học lên lớp 9 | Tiếp tục học lên lớp 10 |

   **Thủ trưởng đơn vị**

**Nguyễn Mai Hương**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN BA ĐÌNH  **TRƯỜNG THCS PHAN CHU TRINH**  Số ………. /TB-THCSPCT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Ba Đình, ngày1 tháng 06 năm 2019* |

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2018– 2019**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Tổng số | Chia ra theo khối lớp | | | |
| Lớp 6 | Lớp 7 | Lớp 8 | Lớp 9 |
| **I** | **Số học sinh chia theo hạnh kiểm** |  |  |  |  |  |
| 1 | Tốt(tỷ lệ so với tổng số) |  | 94.01% | 95.66% | 92.44% | 95.24% |
| 2 | Khá(tỷ lệ so với tổng số) |  | 5.63% | 4.08% | 6.69% | 4.39% |
| 3 | Trung bình(tỷ lệ so với tổng số) |  | 0.18% | 0 | 0.29% | 0.12% |
| 4 | Yếu(tỷ lệ so với tổng số) |  | 0.18% | 0 | 0 | 0.06% |
| **II** | **Số học sinh chia theo học lực** |  |  |  |  |  |
| 1 | Giỏi(tỷ lệ so với tổng số) |  | 54.05% | 57.65% | 52.91% | 46.65% |
| 2 | Khá(tỷ lệ so với tổng số) |  | 30.11% | 29.08% | 30.52% | 35.46% |
| 3 | Trung bình(tỷ lệ so với tổng số) |  | 10.39% | 9.18% | 10.17% | 17.89% |
| 4 | Yếu(tỷ lệ so với tổng số) |  | 4.4% | 3.83% | 5.81% | 0 |
| 5 | Kém(tỷ lệ so với tổng số) |  | 1.06% | 0 | 0 | 0 |
| **III** | **Tổng hợp kết quả cuối năm** |  |  |  |  |  |
| 1 | Lên lớp  (tỷ lệ so với tổng số) |  |  |  |  |  |
| a | Học sinh giỏi(tỷ lệ so với tổng số) |  | 54.05% | 57.65% | 52.91% | 46.65% |
| b | Học sinh tiên tiến(tỷ lệ so với tổng số) |  | 30.11% | 29.08% | 30.52% | 35.46% |
| 2 | Thi lại(tỷ lệ so với tổng số) |  | 4.57% | 3.82% | 5.81% | 0 |
| 3 | Lưu ban(tỷ lệ so với tổng số) |  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Chuyển trường đến/đi(tỷ lệ so với tổng số) |  | 6/10 | 11/12 | 7/7 | 0 |
| 5 | Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số) |  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)(tỷ lệ so với tổng số) |  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **IV** | **Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi** |  |  |  |  |  |
| 1 | Cấp huyện |  | 42 giải | | | |
| 2 | Cấp tỉnh/thành phố |  | 10 giải | | | |
| 3 | Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế |  | 4 giải cấp quốc gia và 2 giải cấp quốc tế | | | |
| **V** | **Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp** |  |  |  |  | 313 |
| **VI** | **Số học sinh được công nhận tốt nghiệp** |  |  |  |  | 313 |

**Hiệu trưởng**

**Nguyễn Mai Hương**

|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN BA ĐÌNH  **TRƯỜNG THCS PHAN CHU TRINH**  Số ………. /TB-THCSPCT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Ba Đình, ngày 1 tháng 06 năm 2019* |

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2018 - 2019**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Bình quân** |
| **I** | **Số phòng học** | 35 | Số m2/học sinh |
| **II** | **Loại phòng học** |  | - |
| 1 | Phòng học kiên cố | 35 | 1.5m2/học sinh |
| 2 | Phòng học bán kiên cố | - | - |
| 3 | Phòng học tạm | - | - |
| 4 | Phòng học nhờ | - | - |
| 5 | Số phòng học bộ môn | 13 | 0.9 m2/học sinh |
| 6 | Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn) |  | - |
| 7 | Bình quân lớp/phòng học | 1lớp /phòng học | 64 m2/phòng học |
| 8 | Bình quân học sinh/lớp | 45 học sinh /lớp | 1.5m2/học sinh |
| **III** | **Số điểm trường** | 1 | - |
| **IV** | **Tổng số diện tích đất (m2)** | 10.490m2 | 7.12m2/học sinh |
| **V** | **Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m2)** | 890.336m2 |  |
| **VI** | **Tổng diện tích các phòng** |  |  |
| 1 | Diện tích phòng học (m2) | 2176 m2 |  |
| 2 | Diện tích phòng học bộ môn (m2) | 1365 m2 |  |
| 3 | Diện tích thư viện (m2) | 560.096m2 |  |
| 4 | Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m2) | 532.085 |  |
| 5 | *Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m2)* | 105m2 |  |
| **VII** | **Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu**  (Đơn vị tính: bộ) |  | Số bộ/lớp |
| 1 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định |  |  |
| 1.1 | Khối lớp 6 | 165 |  |
| 1.2 | Khối lớp 7 | 172 |  |
| 1.3 | Khối lớp 8 | 190 |  |
| 1.4 | Khối lớp 9 | 195 |  |  |
| 2 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định |  |  |
| 2.1 | Khối lớp 6 | - | - |
| 2.2 | Khối lớp 7 | - | - |
| 2.3 | Khối lớp 8 | - | - |
| 2.4 | Khối lớp 9 | - | - |
| 3 | Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị) | - | - |
| **VIII** | **Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập**  (Đơn vị tính: bộ) | 50 bộ | Số học sinh/bộ |
| **IX** | **Tổng số thiết bị dùng chung khác** |  | Số thiết bị/lớp |
| **1** | **Ti vi** | - | - |
| **2** | **Cát xét** | - | - |
| **3** | **Đầu Video/đầu đĩa** | - | - |
| **4** | **Máy chiếu OverHead/projector/vật thể** | 22 | 22 |
| **5** | **Thiết bị khác...** |  |  |
| **6** | **…..** |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **IX** | **Tổng số thiết bị đang sử dụng** |  | **Số thiết bị/lớp** |
| 1 | Ti vi | - |  |
| 2 | Cát xét | - |  |
| 3 | Đầu Video/đầu đĩa | - |  |
| 4 | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể | 22 | 22 |
| 5 | Thiết bị khác... |  |  |
| .. | …………… |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Nội dung | Số lượng (m2) |
| **X** | **Nhà bếp** | 105 |
| **XI** | **Nhà ăn** | 585 |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nội dung | Số lượng phòng, tổng diện tích (m2) | Số chỗ | Diện tích bình quân/chỗ |
| **XII** | **Phòng nghỉ cho học sinh bán trú** | 19/1288 | - | - |
| **XIII** | **Khu nội trú** |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **XIV** | **Nhà vệ sinh** | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | | Số m2/học sinh | |
|  | Chung | Nam/Nữ | Chung | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh\* | X |  | x |  |  |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh\* |  |  |  |  |  |

*(\*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | Nội dung | | Có | Không | |
| **XV** | | **Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh** | | x |  | |
| **XVI** | | **Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)** | | - | x | |
| **XVII** | | **Kết nối internet** | | x |  | |
| **XVIII** | | **Trang thông tin điện tử (website) của trường** | | z |  | |
| **XIX** | | **Tường rào xây** | | x |  | |
|  | | Hiệu trưởng (Ký tên và đóng dấu) | | |

Nguyễn Mai Hương

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | UBND QUẬN BA ĐÌNH  **TRƯỜNG THCS PHAN CHU TRINH**  Số ………. /TB-THCSPCT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Ba Đình, ngày 1 tháng 06 năm 2019* | |  |

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,**

**Năm học 2018 - 2019**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Tổng số | Trình độ đào tạo | | | | | | Hạng chức danh nghề nghiệp | | | Chuẩn nghề nghiệp | | | |
| TS | ThS | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng III | Hạng II | Hạng I | Xuất sắc | Khá | Trung bình | Kém |
| **Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên** | 74 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **I** | **Giáo viên**  Trong đó số giáo viên dạy môn: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Toán | 11 |  |  | 10 | 1 |  |  | 4 | 7 |  | x |  |  |  |
| 2 | Vật lý | 3 |  |  | 2 | 1 |  |  | 2 |  | 1 | x |  |  |  |
| 3 | Công nghệ | 4 |  |  | 2 | 2 |  |  | 2 |  |  | x |  |  |  |
| 4 | Tin học | 1 |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  |  | x |  |  |  |
| 5 | Ngữ văn | 11 |  | 1 | 10 |  |  |  | 6 | 4 |  | x |  |  |  |
| 6 | GDCD | 2 |  | 1 | 1 |  |  |  | 2 |  |  | x |  |  |  |
| 7 | Lịch sử | 3 |  | 1 | 1 | 1 |  |  | 2 | 1 |  | x |  |  |  |
| 8 | Địa lý | 4 |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| 9 | Âm nhạc | 2 |  |  | 1 | 1 |  |  | 1 | 1 |  | x |  |  |  |
| 10 | Mỹ thuật | 2 |  |  | 1 | 1 |  |  | 1 | 1 |  | x |  |  |  |
| 11 | Ngoại ngữ | 6 |  |  | 6 |  |  |  | 4 | 1 | 1 | x |  |  |  |
| 12 | Hóa học | 2 |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |  | x |  |  |  |
| 13 | Sinh học | 4 |  |  | 4 |  |  |  | 4 |  |  | x |  |  |  |
| 14 | Thể dục | 4 |  |  | 4 |  |  |  | 4 |  |  | x |  |  |  |
| **II** | **Cán bộ quản lý** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  | 1 | x |  |  |  |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  | 1 |  | x |  |  |  |
| **III** | **Nhân viên** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Nhân viên văn thư | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| 2 | Nhân viên kế toán | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| 3 | Thủ quỹ | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| 4 | Nhân viên y tế | 1 |  |  |  |  | 1 |  |  |  |  | x |  |  |  |
| 5 | Nhân viên thư viện | 1 |  |  | 1 |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| 6 | Nhân viên thiết bị, thí nghiệm | 2 |  |  | 2 |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |
| 7 | Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Nhân viên công nghệ thông tin |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Hiệu Trưởng  Nguyễn Mai Hương |